**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN BUÔN ĐÔN**
**TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc**

Bản án số 01/2020/DS-ST
Ngày 30/3/2020.
V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN -TỈNH ĐẮK LẮK**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- chủ toạ phiên toà:* Ông Bùi Xuân Sơn.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Quốc Sự và ông Y Đưng Knul.

*Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Ông Đinh Ngọc Lương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn.

*Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn tham gia phiên tòa:* Ông Trịnh Quốc Việt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 98/2019/TLST- DS ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-DS ngày 28/02/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-DS ngày 13/3/2020. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị H.

Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk– có mặt..

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Công H và bà Cáp Thị V.

Nơi cư trú : Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk – đều vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Phan Thị H trình bày như sau:

Do quen biết nên bà có cho vợ chồng ông Nguyễn Công H, bà Cáp Thị V vay số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) theo giấy vay tiền đề ngày 26/8/2012 (Âm lịch), tức ngày 11/10/2012 (dương lịch), hạn trả trong thời gian 12 tháng (11/10/2013), lãi suất thỏa thuận 2%/tháng. Khi vay vợ chồng ông Nguyễn Công H, bà Cáp Thị V có giao cho bà 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 507270 do UBND huyên C, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 03/7/2008 cho người sử dụng đất ông Dương Văn D ở Thôn C, xã M, huyện C, tỉnh Đắk Lắk để làm tin. Ngày 08/4/2013 (âm lịch), tức ngày 07/5/2013 trả được 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), còn lại 400.000.000đ (bốn trăn triệu đồng) vợ chồng ông Nguyễn Công H, bà Cáp Thị V không trả và đi khỏi nơi cư trú.

Ngày 28/11/2013 bà làm đơn khởi kiện và tại bản án số 04/2014/DSST của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk buộc vợ chồng ông Nguyễn Công H, bà Cáp Thị V trả cho bà số tiền gốc 400.000.000đ (bốn trăn triệu đồng) và lãi suất 5.760.000đ (năm triệu

bảy trăm sáu mươi tiệu đồng). Ngày 06/10/2014 Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị giám đốc thẩm bản án số 04/2014/DSST của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk vì lý do vi phạm thủ tục tố tụng. Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 09/2014/DS-GĐT ngày 15/12/2014 của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã hủy bản án số 04/2014/DSST của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật. Ngày 18/3/2015 bà làm đơn xin rút đơn khởi kiện để tìm vợ chồng bà V, ông H thỏa thuận trả nợ nhưng không tìm được, cùng ngày Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án.

Do vợ chồng bà Cáp Thị V, ông Nguyễn Công H bỏ đi khỏi nơi cư trú nên ngày 02/4/2019 bà làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk thông báo tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng. Tại quyết định số 03/2019/QĐST-VDS ngày 09/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk đã ra thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với vợ chồng bà Cáp Thị V, ông Nguyễn Công H, thời hạn thông báo đã hết nhưng không có kết quả, do đó ngày 02/12/2019 bà làm đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Cáp Thị V, ông Nguyễn Công H thực hiện nghĩa vụ trả số nợ gốc còn lại 400.000.000đ (bốn trăn triệu đồng) và tiền lãi phát sinh (lãi trong hạn từ ngày 08/5/2013 đến ngày 11/10/2013 là 05 tháng, lấy tròn; Lãi quá hạn từ ngày 12/10/2013 đến ngày khởi kiện ngày 02/12/2019 = 73 tháng, lấy tròn).

Cụ thể: Lãi trong hạn: 400.000.000đ x 0,75%/tháng x 05 tháng = 15.000.000đ.

Lãi quá hạn: 400.000.000đ x 1%/tháng x 73 tháng = 292.000.000đ.

Cộng gốc, lãi trong hạn, quá hạn: 400.000.000đ +15.000.000đ +292.000.000đ = 707.000.000đ (bảy trăm lẻ bảy triệu đồng).

Nay bà yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà Cáp Thị V, ông Nguyễn Công H trả đủ số nợ gốc và lãi nêu trên.

Tại phiên tòa hôm nay vợ chồng bà Cáp Thị V, ông Nguyễn Công H vắng mặt, việc vắng mặt của vợ chồng bà Cáp Thị V, ông Nguyễn Công H đã được Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú số 02/2019/QĐST-VDS ngày 24/5/2019 đối với ông H, bà V có nơi cư trú cuối cùng tại Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng đến nay vẫn vắng mặt do đó không ghi nhận được ý kiến của họ.

*Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

*+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:*

Trong quá trình giải quyết vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay vợ chồng bà Cáp Thị V, ông Nguyễn Công H vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của vợ chồng bà Cáp Thị V, ông Nguyễn Công H đã được Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú số 02/2019/QĐST-VDS ngày 24/5/2019 đối với vợ chồng bà Cáp Thị V, ông Nguyễn Công H có nơi cư trú cuối cùng tại Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Vì vậy, hôm nay Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ *Về nội dung vụ án*:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26,; khoản 1 Điều 147, Điều 162 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 280, Điều 290, Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phan Thị H.

Buộc vợ chồng bà Cáp Thị V, ông Nguyễn Công H phải trả cho bà Phan Thị H số nợ gốc còn lại 400.000.000đ (bốn trăn triệu đồng) và tiền lãi phát sinh (lãi trong hạn từ ngày 08/5/2013 đến ngày 11/10/2013 là 05 tháng, lấy tròn; Lãi quá hạn từ ngày 12/10/2013 đến ngày khởi kiện ngày 02/12/2019 = 73 tháng, lấy tròn).

Cụ thể: lãi trong hạn: 400.000.000đ x 0,75%/tháng x 05 tháng = 15.000.000đ.

Lãi quá hạn: 400.000.000đ x 1%/tháng x 73 tháng = 292.000.000đ.

Cộng gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn: 400.000.000đ +15.000.000đ +292.000.000đ = 707.000.000đ (bảy trăm lẻ bảy triệu đồng).

Bà Phan Thị H có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà Cáp Thị V, ông Nguyễn Công H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 507270 do UBND huyên M, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 03/7/2008 đứng tên người sử dụng đất ông Dương Văn Diễn ở Thôn C, xã M, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Theo quy định tại khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ – HĐTP ngày ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại điều 192 bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án thì: "*.. Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở". Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tống đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;*"..;

Như vậy, việc vợ chồng bà Cáp Thị V, ông Nguyễn Công H thay đổi nơi cư trú, làm việc gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không

thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 40 và điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Đồng thời người khởi kiện cũng đã làm đầy đủ thủ tục tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật, Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung:*

Vợ chồng bà Cáp Thị V, ông Nguyễn Công H vay của bà Phan Thị H số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) theo giấy vay tiền đề ngày 26/8/2012 (Âm lịch) tức ngày 11/10/2012 (dương lịch), hạn trả trong thời gian 12 tháng (ngày 11/10/2013), lãi suất thỏa thuận 2%/tháng.

Ngày 08/4/2013 (âm lịch), tức ngày 07/5/2013 trả được 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), còn lại 400.000.000đ (bốn trăn triệu đồng) vợ chồng ông Nguyễn Công H, bà Cáp Thị V không trả và đi khỏi nơi cư trú.

Qua kết quả giám định chữ ký, chữ viết trên giấy vay nợ của bà Cáp Thị V, ông Nguyễn Công H do bà Phan Thị H cung cấp với chữ ký của bà Cáp Thị V, ông Nguyễn Công H đã được thu thập, cơ quan chức năng đã kết luận là do cùng một người ký và viết ra.

Như vậy, qua các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, kết quả Giám định chữ ký và chữ viết. Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận: Vợ chồng bà Cáp Thị V, ông Nguyễn Công H và bà Phan Thị H xác lập giao dịch vay tiền là có thật, theo như nguyên đơn trình bày là có cơ sở, phù hợp quy định tại các Điều 471 và 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 tại thời điểm giao dịch.

Về áp dụng pháp luật: Theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 thì giao dịch dân sự chưa được thực hiện hoặc đang thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 thì áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết, do quan hệ tranh chấp có nội dung và hình thức phù hợp quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định tại các Điều 463, Điều 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết và cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phan Thị H cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, cần buộc vợ chồng bà Cáp Thị V, ông Nguyễn Công H phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Phan Thị H số tiền gốc 400.00.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) và lãi suất.

-*Về lãi suất*: Khi thực hiện giao dịch hai bên có thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bà Phan Thị H chỉ yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền vay trong hạn là 0,75%/ tháng và tiền lãi quá hạn 1%/tháng là phù hợp, cần chấp nhận và được tính cụ thể như sau:

Nợ gốc còn lại 400.000.000đ (bốn trăn triệu đồng) và tiền lãi phát sinh (lãi trong hạn từ ngày vay 08/5/2013 đến ngày 11/10/2013 ngày trả nợ là 05 tháng, lấy tròn; Lãi quá hạn từ ngày 12/10/2013 ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến ngày khởi kiện ngày 02/12/2019 = 73 tháng, lấy tròn).

Cụ thể: Lãi trong hạn: 400.000.000đ x 0,75%/tháng x 05 tháng = 15.000.000đ.

Lãi quá hạn: 400.000.000đ x 1%/tháng x 73 tháng = 292.000.000đ.

Cộng gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn: 400.000.000đ +15.000.000đ +292.000.000đ = 707.000.000đ (bảy trăm lẻ bảy triệu đồng).

Như vậy, vợ chồng bà Cáp Thị V, ông Nguyễn Công H còn phải có nghĩa vụ phải trả cho bà Phan Thị H số tiền gốc 400.000.000đ(bốn trăn triệu đồng), tiền lãi trong hạn là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) và tiền lãi quá hạn là 292.000.000đ (hai trăm chín mươi hai triệu đồng). Tổng cộng gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn là 707.000.000đ (bảy trăm lẻ bảy triệu đồng).

Bà Phan Thị H có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà Cáp Thị V, ông Nguyễn Công H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 507270 do UBND huyên M, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 03/7/2008 đứng tên người sử dụng đất ông Dương Văn D ở Thôn C, xã M, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên vợ chồng bà Cáp Thị V, ông Nguyễn Công H phải chịu toàn bộ số tiền án phí là 35.350.000đ (ba mươi lăm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phan Thị H 15.900.000đ (mười lăm triệu chín trăm nghìn đồng).

[4] Về chi phí giám định: Vợ chồng bà Cáp Thị V, ông Nguyễn Công H phải trả cho bà Phan Thị H số tiền: 5.040.000đ tiền chi phí giám định.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, Điều 161 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 40, Điều 463, Điều 466, Điều 468, điểm b khoản 2 Điều 277 và Điều 280, Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phan Thị H.

**1**. Buộc vợ chồng bà Cáp Thị V, ông Nguyễn Công H phải trả cho bà Phan Thị H số tiền gốc là 400.00.000đ (bốn trăn triệu đồng) và tiền lãi trong hạn là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng); lãi quá hạn là 292.000.000đ (hai trăm chín mươi hai triệu đồng). Tổng cộng gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn là 707.000.000đ(bảy trăm lẻ bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Phan Thị H có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà Cáp Thị V, ông Nguyễn Công H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 507270 do UBND huyên M, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 03/7/2008 đứng tên người sử dụng đất ông Dương Văn D ở Thôn C, xã M, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

**2**. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vợ chồng bà Cáp Thị V, ông Nguyễn Công H phải chịu 35.350.000đ (ba mươi lăm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Phan Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho bà Phan Thị H số tiền 15.900.000đ (mười lăm triệu chín trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009918 ngày 06/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

**3**. Về chi phí giám định: Vợ chồng bà Cáp Thị V, ông Nguyễn Công H phải trả cho bà Phan Thị H số tiền 5.040.000đ (năm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền chi phí giám định.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***+ Nơi nhận:***
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện ;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện;
- Lưu HS - VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**.
(Đã ký)

**Bùi Xuân Sơn**